

Số: 175/2020/QĐST-HNGĐ

Hậu Lộc, ngày 18 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC - TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 6; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lưu Văn N, sinh năm 1990

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990

Đều có địa chỉ: Thôn Tr, xã M, huyện L, Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về hôn nhân*: Anh Lưu Văn N và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau năm 2012 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã M, huyện L cấp. Sau khi cưới vợ chồng sống hoà thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên dẫn tới cãi nhau, mặc dù hai bên đã cố gắng thay đổi nhưng không có kết quả, do đó hai người đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh N, chị L đều xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp.

[2]. Về con chung: Anh Lưu Văn N và chị Nguyễn Thị L đều thống nhất có hai con chung là Lưu Khánh Li, sinh ngày 23/01/2013 và Lưu Khánh L, sinh ngày 26/5/2015.

Hai bên thống nhất và thỏa thuận: Anh Lưu Văn N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lưu Khánh Li, chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lưu Khánh L cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc thỏa thuận của anh Lưu Văn N và chị Nguyễn Thị L về người trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3]. Về tài sản, công nợ: Anh Lưu Văn N và chị Nguyễn Thị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Lưu Văn N và chị Nguyễn Thị L thống nhất thỏa thuận mỗi người chịu trách nhiệm nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Xét đây là sự tự nguyện của hai bên nên chấp nhận.

[5]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lưu Văn N và chị Nguyễn Thị L.

- Về con: Công nhận cháu Lưu Khánh Li, sinh ngày 23/01/2013 và Lưu Khánh L, sinh ngày 26/5/2015 là con chung của anh Lưu Văn N và chị Nguyễn Thị L.

Công nhận thỏa thuận việc nuôi con: Anh Lưu Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lưu Khánh Li là phù hợp với nguyện vọng của cháu, chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lưu Khánh L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Anh Lưu Văn N và chị Nguyễn Thị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh N, chị L mỗi người nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí anh N, chị L đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0008097 ngày 24/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Anh N, chị L đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Cao Thị Nga